

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05/4/2023
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quang Hùng và bà Bạc Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HN&GD ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cà Thị D; sinh năm 1995; địa chỉ: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bạc Cầm K; sinh năm 1994; địa chỉ: Bản N, xã R, huyện T, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2022, Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai và đơn xin vắng mặt của nguyên đơn chị Cà Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cà Thị D và anh Bạc Cầm K đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên ngày 23/01/2018. Vợ chồng kết hôn trên sự tự nguyện của hai bên. Quá trình chung sống sau khi kết hôn sống hạnh phúc đến đầu năm 2020. Sau đó nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K sử dụng ma túy, không tu chí làm ăn, từ cuối năm 2021 thì vợ chồng mâu thuẫn ngày càng nhiều, đến đầu năm 2022 chị D khuyên anh K cai nghiện ma túy nhưng anh kiếm không thay đổi. Do anh K không thay đổi nên từ tháng 9/2022 chị D đã không còn chung sống với anh K nữa. Chị D cũng đã cố gắng vì muốn vợ chồng cùng nhau vượt khó, xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng anh K không tu chí, không tự vượt qua mà ngày càng sử dụng ma túy nặng hơn. Đến nay chị

D không còn tình cảm với anh K vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D ly hôn với anh Bạc Cầm K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

Về án phí: Chị Cà Thị D là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Bạc Cầm K. Quá trình tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải chị D có mặt, anh Kiếm vắng mặt, nên Tòa án đã thông báo kết quả việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ cho anh Bạc Cầm K theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại chính quyền bản M, xã R: Chị D và anh Kiếm có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh K sử dụng ma túy, không tu chí làm ăn xây dựng gia đình. Chị D và anh K đã không còn chung sống với nhau.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cà Thị D, cho chị Cà Thị D ly hôn với anh Bạc Cầm K; Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của chị D đề nghị Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị D, do chị D là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Cà Thị D với anh Bạc Cầm K thì được xác định là vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị D nộp đơn khởi kiện, anh K có nơi ĐKKTT tại bản Nậm M, xã R, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định Điều 174; Điều 175; Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 17/3/2023, anh Kiếm vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên

tòa. Tại phiên tòa 05/4/2023, anh Kiêm vắng mặt không có lý do, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc đưa ra xét xử vắng mặt của các đương sự vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị D với anh Bạc Cầm K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 23/01/2018. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc, thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn, nên có thể xác định hôn nhân của chị D và anh K là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo để thực hiện việc hòa giải cho các đương sự quay về đoàn tụ, nhưng HĐXX thấy rằng anh K mặc dù đã được thông báo, biết được yêu cầu xin ly hôn của chị D nhưng không đến để tiến hành hòa giải, cũng không có ý kiến; do đó thấy rằng anh K không có thiện chí hòa giải để quay về đoàn tụ. Hơn nữa, chị D và anh K đã có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K có sử dụng ma túy, không tu chí làm ăn xây dựng gia đình. Đến thời điểm chị D xin ly hôn chị D và anh K đã không còn chung sống với nhau, thời gian sống ly thân không còn quan tâm, chia sẻ đến nhau; nên yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cà Thị D, cho chị Cà Thị D ly hôn với anh Bạc Cầm K.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí; Hội đồng xét xử xét thấy chị Cà Thị D là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và chị D có đơn đề nghị miễn án phí vì vậy chị D đủ điều kiện được xét miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị D được ly hôn với anh Bạc Cầm K.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.
4. Về án phí: Chị Cà Thị D được miễn án phí ly hôn.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị D và anh Bạc Cầm K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Quài Tở;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

